BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2013/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2013*

THÔNG TƯ
Quy định kiểm tra nhà nước về đo lường

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định kiểm tra nhà nước về đo lường.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định kiểm tra nhà nước về đo lường bao gồm:

a) Kiểm tra đối với phương tiện đo, phép đo, lượng của hàng đóng gói sẵn khi nhập khẩu, trong sản xuất, trên thị trường hoặc trong sử dụng;

b) Kiểm tra hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

2. Kiểm tra đối với phương tiện đo, chuẩn đo lường, phép đo bức xạ, hạt nhân, kiểm tra hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường bức xạ, hạt nhân, kiểm tra đối với hoạt động đo lường đặc thù thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện kiểm tra.

2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, lưu thông trên thị trường phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn.

3. Tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện đo, thực hiện phép đo.

4. Tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia.

5. Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

6. Tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được chỉ định.

7. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chuẩn đo lường* là phương tiện kỹ thuật để thể hiện, duy trì đơn vị đo của đại lượng đo và được dùng làm chuẩn để so sánh với phương tiện đo hoặc chuẩn đo lường khác.

Chất chuẩn là một loại chuẩn đo lường đặc biệt có độ đồng nhất và ổn định nhất định đối với một hoặc một số thuộc tính. Chất chuẩn được sử dụng để hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị, phương tiện đo, đánh giá phương pháp đo hoặc để xác định giá trị về thành phần, tính chất của vật liệu hoặc chất khác.

2. *Phương tiện đo* là phương tiện kỹ thuật để thực hiện phép đo.

3. *Phạm vi đo* là khoảng giá trị mức đo (từ mức đo nhỏ nhất đến mức đo lớn nhất) của phương tiện đo theo công bố của nhà sản xuất phương tiện đo.

4. *Phép đo* là tập hợp những thao tác để xác định giá trị đo của đại lượng cần đo.

5. *Hàng đóng gói sẵn theo định lượng* (sau đây gọi là hàng đóng gói sẵn) là hàng hóa được định lượng theo đơn vị đo khối lượng, thể tích, chiều dài, diện tích hoặc theo số đếm, được đóng gói và ghi định lượng trên nhãn hàng hóa mà không có sự chứng kiến của bên mua.

6. *Kiểm định* là hoạt động đánh giá, xác nhận đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo theo yêu cầu kỹ thuật đo lường.

7. *Hiệu chuẩn* là hoạt động xác định, thiết lập mối quan hệ giữa giá trị đo của chuẩn đo lường, phương tiện đo với giá trị đo của đại lượng cần đo.

8. *Thử nghiệm* là việc xác định một hoặc một số đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo, chuẩn đo lường.

9. *Yêu cầu kỹ thuật đo lường* là tập hợp các quy định về đặc tính kỹ thuật đo lường của chuẩn đo lường, phương tiện đo, phép đo hoặc lượng của hàng đóng gói sẵn do tổ chức, cá nhân công bố hoặc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

10. Các thuật ngữ khác được hiểu theo quy định tại Điều 3 của Luật Đo lường.

Điều 4. Hình thức kiểm tra nhà nước về đo lường, biện pháp kiểm tra đặc thù

1. Hình thức kiểm tra nhà nước về đo lường

a) Kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có thẩm quyền phê duyệt;

b) Kiểm tra đột xuất được tiến hành khi giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về đo lường hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Kiểm tra đặc thù là biện pháp nghiệp vụ kiểm tra có sử dụng phương tiện giao thông, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật chuyên dùng thực hiện lấy mẫu, kiểm tra trước khi xuất trình quyết định kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về đo lường.

Điều 5. Phương thức kiểm tra nhà nước về đo lường

1. Kiểm tra nhà nước về đo lường được tổ chức thực hiện theo phương thức đoàn kiểm tra.

2. Đoàn kiểm tra do Thủ trưởng cơ quan thực hiện kiểm tra thành lập trong quyết định kiểm tra nhà nước về đo lường (theo Mẫu 4. QĐKTĐL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Thành phần của đoàn kiểm tra bao gồm: Trưởng đoàn và thành viên. Số lượng thành viên đoàn kiểm tra tùy thuộc vào nội dung kiểm tra và do Thủ trưởng cơ quan thực hiện kiểm tra quyết định.

4. Trưởng đoàn là cán bộ quản lý thuộc cơ quan thực hiện kiểm tra. Trưởng đoàn chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đoàn; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên; chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra; tổ chức thực hiện lập biên bản kiểm tra hoặc biên bản vi phạm hành chính theo quy định; thông qua hồ sơ, biên bản để trình cơ quan ra quyết định kiểm tra, chuyển cho cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Thành viên

a) Cán bộ kỹ thuật có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực đo lường cần kiểm tra và làm nhiệm vụ kiểm tra về kỹ thuật đo lường;

b) Người của cơ quan thực hiện kiểm tra, người được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, thanh tra viên khoa học và công nghệ, công an, quản lý thị trường, người của cơ quan, tổ chức khác được cử tham gia đoàn kiểm tra và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng đoàn kiểm tra.

6. Thành viên đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, xử lý theo phân công và quy định của pháp luật.

7. Trưởng đoàn, cán bộ kỹ thuật quy định tại Điểm a và người của cơ quan thực hiện kiểm tra quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều này phải có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ kiểm tra nhà nước về đo lường do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức.

Điều 6. Xử lý vi phạm hành chính trong quá trình kiểm tra nhà nước về đo lường

Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện vi phạm hành chính, việc xử lý thực hiện như sau:

1. Trường hợp đoàn kiểm tra không có thành viên là thanh tra viên khoa học và công nghệ, người được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, công an, quản lý thị trường hoặc người có thẩm quyền thì trưởng đoàn kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính (theo Mẫu 11. BBVPHC tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này)

và đề nghị cơ quan thực hiện kiểm tra chuyển hồ sơ và kiến nghị người có thẩm quyền hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Hồ sơ chuyển người có thẩm quyền hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính bao gồm: Công văn chuyển hồ sơ của cơ quan thực hiện kiểm tra, quyết định kiểm tra, biên bản kiểm tra, các văn bản, tài liệu và chứng cứ vi phạm hành chính (nếu có), biên bản vi phạm hành chính.

2. Trường hợp đoàn kiểm tra có thành viên là thanh tra viên khoa học và công nghệ, người được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành, công an, quản lý thị trường hoặc người có thẩm quyền thì thành viên này lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Người có thẩm quyền, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được gửi cho cơ quan thực hiện kiểm tra để phối hợp.

Chương II
KIỂM TRA KHI NHẬP KHẨU

Điều 7. Đối tượng kiểm tra khi nhập khẩu

1. Phương tiện đo phải phê duyệt mẫu thuộc Danh mục phương tiện đo nhóm 2 quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 (gọi tắt là phương tiện đo nhóm 2 phải phê duyệt mẫu).

2. Hàng đóng gói sẵn thuộc Danh mục hàng đóng gói sẵn nhóm 2 tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn (gọi tắt là hàng đóng gói sẵn nhóm 2).

3. Phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có thông báo của cơ quan thực hiện kiểm tra trên thị trường, trong sử dụng về việc không phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định và đề nghị tăng cường kiểm tra khi nhập khẩu;

b) Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về đo lường;

c) Thông tin, cảnh báo của tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài về phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường có nguy cơ xâm phạm quyền và lợi ích chính đáng của tổ chức, cá nhân khác;

d) Kết quả khảo sát về đo lường đối với phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn trên thị trường, trong sử dụng phát hiện sự không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường theo quy định.

Điều 8. Miễn kiểm tra khi nhập khẩu

Miễn kiểm tra khi nhập khẩu đối với phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn là: Hành lý cá nhân, hàng hóa ngoại giao, hàng triển lãm hội chợ, quà biếu; hàng hóa,

vật tư thiết bị tạm nhập - tái xuất; hàng quá cảnh chuyển khẩu; hàng gửi kho ngoại quan; hàng doanh nghiệp Việt Nam gia công cho thương nhân nước ngoài; vật tư thiết bị máy móc nhập khẩu phục vụ các dự án đầu tư; hàng hóa thuộc lĩnh vực bí mật quốc gia và các loại hàng hóa khác không nhằm mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Kiểm tra, thông quan phương tiện đo nhóm 2 phải phê duyệt mẫu, lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 7 của Thông tư này

1. Đối với phương tiện đo nhóm 2 phải phê duyệt mẫu

a) Cơ quan Hải quan chỉ cho phép thông quan khi tổ chức, cá nhân (sau đây gọi tắt là cơ sở) nhập khẩu phương tiện đo đó có quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp;

b) Trường hợp phương tiện đo được nhập khẩu để thử nghiệm phục vụ phê duyệt mẫu, cơ quan Hải quan chỉ cho phép tạm thời thông quan khi cơ sở nhập khẩu phương tiện đo đó có văn bản của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nêu rõ "đã nhận hồ sơ đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo". Cơ quan Hải quan chỉ làm thủ tục chính thức thông quan khi phương tiện đo đáp ứng yêu cầu quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

2. Đối với lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2

a) Cơ quan Hải quan chỉ cho phép thông quan khi hàng đóng gói sẵn có dấu định lượng theo quy định trên nhãn hàng đóng gói sẵn do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) cấp;

b) Trường hợp hàng đóng gói sẵn được nhập khẩu để đánh giá phục vụ việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn của cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền, hàng đóng gói sẵn chỉ được cơ quan Hải quan cho tạm thời thông quan khi có văn bản của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nêu rõ "đã nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn". Cơ quan Hải quan chỉ làm thủ tục chính thức thông quan khi hàng đóng gói sẵn đáp ứng yêu cầu quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

3. Trường hợp phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn được cơ quan Hải quan cho phép tạm thời thông quan trước, kiểm tra sau hoặc phương tiện đo được nhập khẩu để thử nghiệm phục vụ việc phê duyệt mẫu thì cơ sở nhập khẩu không được phép đưa phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn đó ra lưu thông trên thị trường hoặc vào sử dụng.

4. Trường hợp phát hiện sự không phù hợp, việc xử lý thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

Điều 10. Kiểm tra, thông quan phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn quy định tại Khoản 3 Điều 7 của Thông tư này

1. Cơ quan kiểm tra

a) Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

b) Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tại địa phương nhập khẩu phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn.

2. Đối với phương tiện đo

a) Phương tiện đo chỉ được thông quan khi có thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về đo lường (theo Mẫu 3. TBKQKT tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) với kết luận "Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường" do cơ quan kiểm tra cấp cho cơ sở nhập khẩu phương tiện đo đó;

b) Cơ quan Hải quan chỉ cho phép tạm thời thông quan trước, kiểm tra sau khi phương tiện đo đó có phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường (theo Mẫu 2. PTNHSĐK tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này). Cơ quan Hải quan chỉ làm thủ tục chính thức thông quan khi phương tiện đo đó đáp ứng yêu cầu quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

3. Đối với lượng của hàng đóng gói sẵn

a) Hàng đóng gói sẵn chỉ được cơ quan Hải quan cho thông quan khi có thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về đo lường (theo Mẫu 3. TBKQKT tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) với kết luận "Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường" do cơ quan kiểm tra cấp cho cơ sở nhập khẩu hàng đóng gói sẵn đó;

b) Cơ quan Hải quan chỉ cho phép tạm thời thông quan trước, kiểm tra sau khi hàng đóng gói sẵn đó có phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường (theo Mẫu 2. PTNHSĐK tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này). Cơ quan Hải quan chỉ làm thủ tục chính thức thông quan khi hàng đóng gói sẵn đó đáp ứng yêu cầu quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn được cơ quan Hải quan cho phép tạm thời thông quan trước, kiểm tra sau thì cơ sở nhập khẩu không được phép đưa phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn đó ra lưu thông trên thị trường hoặc vào sử dụng.

5. Trình tự, thủ tục đăng ký kiểm tra khi nhập khẩu, lập phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường, cấp thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn quy định tại Khoản 2, Khoản 3 thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều này.

6. Trình tự, thủ tục kiểm tra

a) Hồ sơ đăng ký kiểm tra khi nhập khẩu

Cơ sở nhập khẩu lập một (01) bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra khi nhập khẩu gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan kiểm tra. Hồ sơ gồm:

- Giấy "Đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường" (theo Mẫu 1. ĐKKT tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này);

- Bản chính hoặc bản sao có kèm bản chính để đối chiếu: Hợp đồng, tờ khai hàng hóa nhập khẩu; danh mục hàng hóa (packing list); giấy chứng nhận xuất xứ

(C/O) (nếu có); thuyết minh kỹ thuật của phương tiện đo (bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt hoặc cả hai thứ tiếng) (trường hợp nhập khẩu phương tiện đo).

b) Xử lý hồ sơ đăng ký

- Cơ quan kiểm tra lập phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường (theo Mẫu 2. PTNHSĐK tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này); vào sổ đăng ký và ký tên, đóng dấu vào bản đăng ký kiểm tra của cơ sở nhập khẩu;

- Trường hợp hồ sơ đăng ký không đầy đủ, hợp lệ, cơ quan kiểm tra xác nhận các hạng mục hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ trong phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường và yêu cầu cơ sở nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn năm (05) ngày làm việc. Trường hợp quá thời hạn trên mà vẫn chưa bổ sung đủ hồ sơ thì cơ sở nhập khẩu phải có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành. Các bước kiểm tra tiếp theo chỉ được thực hiện sau khi cơ sở nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan kiểm tra thông báo bằng văn bản cho cơ sở nhập khẩu về việc kiểm tra đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn khi nhập khẩu;

- Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cơ sở nhập khẩu nhận được văn bản thông báo, cơ quan kiểm tra phải hoàn thành việc kiểm tra và ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về đo lường (theo Mẫu 3. TBKQKT tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) gửi cho cơ sở nhập khẩu.

c) Nội dung kiểm tra

c.1) Nội dung kiểm tra đối với phương tiện đo bao gồm:

- Kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo với quy định về thể hiện yêu cầu kỹ thuật đo lường cơ bản trên phương tiện đo hoặc trên nhãn hàng hóa, tài liệu kèm theo;

- Kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo với điều kiện về vận chuyển, bảo quản, lưu giữ;

- Kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo với yêu cầu kỹ thuật đo lường.

c.2) Nội dung kiểm tra đối với lượng của hàng đóng gói sẵn bao gồm:

- Kiểm tra việc ghi lượng của hàng đóng gói sẵn trên nhãn hàng hóa;

- Kiểm tra lượng hàng hóa thực tế.

d) Cơ quan kiểm tra tiến hành các bước kiểm tra kỹ thuật đo lường theo trình tự, thủ tục sau đây:

- Yêu cầu cơ sở cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến điều kiện vận chuyển, bảo quản, sử dụng và các yêu cầu kỹ thuật đo lường của phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn được kiểm tra;

- Căn cứ hồ sơ, tài liệu của cơ sở và các quy định quản lý nhà nước về đo lường, tiến hành quan sát, kiểm tra theo các yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn;

- Căn cứ quy định về phương pháp lấy mẫu và phương pháp đánh giá lượng của hàng đóng gói sẵn tại Thông tư quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn, tiến hành kiểm tra theo yêu cầu đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn;

- Căn cứ yêu cầu kỹ thuật đo lường của phương tiện đo, cơ quan kiểm tra quyết định lựa chọn mức đo, yêu cầu đo lường cụ thể của phương tiện đo và tổ chức thực hiện kiểm tra;

- Ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về đo lường (theo Mẫu 3. TBKQKT tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) gửi cơ sở nhập khẩu và cơ quan Hải quan;

- Trường hợp phát hiện sự không phù hợp, việc xử lý thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

Điều 11. Xử lý trong quá trình kiểm tra khi nhập khẩu đối với các trường hợp không phù hợp quy định

1. Trường hợp phương tiện đo được nhập khẩu để thử nghiệm phục vụ phê duyệt mẫu quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 9 của Thông tư này có kết quả thử nghiệm mẫu không đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thông báo bằng văn bản với kết luận "không đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường" tới cơ sở nhập khẩu và cơ quan Hải quan.

2. Trường hợp kết quả kiểm tra tại Điểm d Khoản 6 Điều 10 của Thông tư này không đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường, cơ quan kiểm tra gửi thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về đo lường với kết luận "không đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường" tới cơ sở nhập khẩu và cơ quan Hải quan.

3. Cơ sở nhập khẩu chịu trách nhiệm lựa chọn việc thực hiện biện pháp khắc phục hoặc tái xuất phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn đó và báo cáo với cơ quan Hải quan, cơ quan kiểm tra. Trường hợp cơ sở nhập khẩu thực hiện biện pháp khắc phục, cơ quan kiểm tra chủ trì việc kiểm tra sau khi đã khắc phục và thông báo cho cơ quan Hải quan để làm thủ tục thông quan.

4. Cơ quan Hải quan chỉ cho phép thông quan khi phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu phù hợp yêu cầu quy định.

Chương III
KIỂM TRA TRONG SẢN XUẤT

Điều 12. Đối tượng kiểm tra trong sản xuất

1. Phương tiện đo trong sản xuất.

2. Lượng của hàng đóng gói sẵn trong sản xuất.

Điều 13. Cơ quan chủ trì kiểm tra trong sản xuất

1. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chủ trì kiểm tra đột xuất đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn trong sản xuất trên phạm vi cả nước.

2. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chủ trì kiểm tra đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn trong sản xuất trên địa bàn địa phương.

Điều 14. Nội dung kiểm tra trong sản xuất

1. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu kỹ thuật đo lường và các biện pháp quản lý nhà nước về đo lường trong sản xuất phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn bao gồm:

a) Kiểm tra việc xây dựng và công bố yêu cầu kỹ thuật đo lường (đối với phương tiện đo nhóm 1); hồ sơ phê duyệt mẫu được lưu giữ (đối với phương tiện đo phải phê duyệt mẫu theo quy định); hồ sơ chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn được lưu giữ (đối với hàng đóng gói sẵn nhóm 2); hồ sơ hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn; kiểm tra việc thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước về đo lường trong sản xuất do cơ quan có thẩm quyền quy định;

b) Kiểm tra việc ghi nhãn; thể hiện ký hiệu phê duyệt mẫu (đối với phương tiện đo phải mang ký hiệu phê duyệt mẫu theo quy định); thể hiện dấu định lượng (đối với hàng đóng gói sẵn nhóm 2); tài liệu hướng dẫn sử dụng, bảo quản, vận chuyển và các tài liệu khác đi kèm phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn cần kiểm tra;

c) Kiểm tra việc duy trì, bảo đảm các điều kiện để sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn (đối với cơ sở được chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn);

d) Kiểm tra việc duy trì, bảo đảm các điều kiện quy định đối với cơ sở sản xuất phương tiện đo.

2. Kiểm tra công tác kiểm soát quá trình sản xuất của cơ sở sản xuất liên quan đến việc tạo thành và duy trì, bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn bao gồm:

a) Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật của phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn (tài liệu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật của phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn);

b) Kiểm tra toàn bộ hoặc một trong các giai đoạn của quá trình sản xuất (từ đầu vào, qua các giai đoạn trung gian cho đến khi hình thành phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn bao gồm cả quá trình bao gói, xếp dỡ, lưu kho và vận chuyển);

c) Kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu (theo tiêu chuẩn công bố áp dụng, yêu cầu kỹ thuật đo lường tương ứng, việc sử dụng nguyên liệu bị cấm, nguyên vật liệu có khả năng gây mất an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường);

d) Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về trang thiết bị công nghệ và trang thiết bị đo lường, kiểm tra, thử nghiệm;

đ) Kiểm tra hồ sơ năng lực của công nhân và cán bộ kỹ thuật theo yêu cầu;

e) Các nội dung kỹ thuật cần thiết khác.

3. Kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn với yêu cầu đo lường.

Điều 15. Trình tự, thủ tục kiểm tra

1. Đoàn kiểm tra xuất trình quyết định kiểm tra trước khi tiến hành kiểm tra.

2. Tiến hành kiểm tra theo nội dung của quyết định kiểm tra.

3. Việc kiểm tra kỹ thuật đo lường được tiến hành theo trình tự, thủ tục quy định sau đây:

a) Đoàn kiểm tra yêu cầu cơ sở cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung được kiểm tra;

b) Căn cứ hồ sơ, tài liệu của cơ sở và các quy định quản lý nhà nước về đo lường, đoàn kiểm tra tiến hành quan sát, kiểm tra theo các yêu cầu quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 14 của Thông tư này;

c) Việc kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo với yêu cầu đo lường theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 của Thông tư này được thực hiện như sau:

- Trưởng đoàn kiểm tra quyết định lựa chọn mức đo, yêu cầu kỹ thuật đo lường cụ thể của phương tiện đo và tổ chức thực hiện kiểm tra;

- Số lượng mức đo, giá trị mức đo và yêu cầu kỹ thuật đo lường cụ thể của phương tiện đo được lựa chọn phải bảo đảm có khả năng phát hiện sự không phù hợp của phương tiện đo với yêu cầu đo lường.

d) Việc kiểm tra sự phù hợp lượng của hàng đóng gói sẵn với yêu cầu đo lường theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 của Thông tư này được thực hiện như sau:

Căn cứ quy định về phương pháp lấy mẫu và phương pháp đánh giá lượng của hàng đóng gói sẵn trong Thông tư quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn, trưởng đoàn kiểm tra quyết định lấy mẫu và tổ chức thực hiện kiểm tra.

4. Trường hợp phát hiện sự không phù hợp, lập biên bản kiểm tra về đo lường (theo Mẫu 5. BBKT tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) và xử lý theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này.

Điều 16. Xử lý trong quá trình kiểm tra trong sản xuất

1. Trong quá trình kiểm tra trong sản xuất, nếu phát hiện phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn hoặc các yêu cầu liên quan đến quá trình sản xuất phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn không phù hợp quy định, việc xử lý thực hiện như sau:

a) Đoàn kiểm tra yêu cầu cơ sở sản xuất phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn tạm dừng sản xuất phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn đó và thực hiện các biện pháp khắc phục trong thời hạn ghi trong biên bản;

b) Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, đoàn kiểm tra phải báo cáo với cơ quan chủ trì kiểm tra để cơ quan chủ trì kiểm tra ra thông báo tạm dừng hoạt động đo lường không phù hợp (theo Mẫu 6. TBTDHĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) và xử lý theo thẩm quyền; thời gian tạm dừng ghi trong thông báo tạm dừng hoạt động đo lường không phù hợp được tính từ thời điểm ký biên bản kiểm tra;

c) Cơ quan chủ trì kiểm tra chỉ ra thông báo hoạt động đo lường được tiếp tục thực hiện (theo Mẫu 7. TBTTHĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) khi cơ sở bị tạm dừng hoạt động đo lường đã khắc phục đạt yêu cầu và báo cáo bằng văn bản kèm theo bằng chứng cho cơ quan chủ trì kiểm tra.

2. Trong quá trình kiểm tra trong sản xuất, nếu phát hiện cơ sở có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc sau khi đã yêu cầu thực hiện các biện pháp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này mà cơ sở đó vẫn tiếp tục vi phạm hoặc quá thời hạn tạm dừng ghi trong thông báo tạm dừng hoạt động đo lường không phù hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này mà cơ sở không hoàn thành các biện pháp khắc phục thì tùy theo mức độ vi phạm, quy mô ảnh hưởng, việc xử lý thực hiện như sau:

a) Đoàn kiểm tra hoặc cơ quan chủ trì kiểm tra yêu cầu cơ sở dừng ngay hành vi vi phạm;

b) Trưởng đoàn kiểm tra hoặc đại diện cơ quan chủ trì kiểm tra lập biên bản niêm phong (theo Mẫu 8. BBNP tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) và tổ chức niêm phong (tem niêm phong theo Mẫu 9. TNP tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn, các trang thiết bị để thực hiện hoạt động đo lường không phù hợp quy định. Trường hợp đại diện cơ sở được kiểm tra không ký biên bản thì trưởng đoàn kiểm tra hoặc đại diện cơ quan chủ trì kiểm tra ghi rõ trong biên bản "đại diện cơ sở không ký biên bản". Biên bản có chữ ký của trưởng đoàn kiểm tra hoặc đại diện cơ quan chủ trì kiểm tra vẫn có giá trị pháp lý. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, cơ quan chủ trì kiểm tra ra thông báo dừng hoạt động đo lường không phù hợp (theo Mẫu 6.TBTDHĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này);

c) Cơ quan chủ trì kiểm tra thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng địa phương hoặc trung ương tên cơ sở vi phạm, tên hành vi vi phạm và địa chỉ thực hiện hành vi vi phạm (theo Mẫu 10. TBTTĐC tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này). Đồng thời, cơ quan chủ trì kiểm tra chuyển hồ sơ và kiến nghị người có thẩm quyền hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương IV
KIỂM TRA TRÊN THỊ TRƯỜNG, TRONG SỬ DỤNG

Điều 17. Đối tượng kiểm tra trên thị trường, trong sử dụng

1. Phương tiện đo khi lưu thông trên thị trường hoặc trong sử dụng.

2. Phép đo.

3. Lượng của hàng đóng gói sẵn khi lưu thông trên thị trường.

Điều 18. Cơ quan chủ trì, phối hợp kiểm tra trên thị trường, trong sử dụng

1. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chủ trì kiểm tra đột xuất đối với phương tiện đo, phép đo, lượng của hàng đóng gói sẵn trên phạm vi cả nước theo nội dung kiểm tra quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 19 của Thông tư này.

2. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chịu trách nhiệm chủ trì kiểm tra đối với phương tiện đo, phép đo, lượng của hàng đóng gói sẵn trên địa bàn địa phương theo nội dung kiểm tra quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 19 của Thông tư này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm chủ trì kiểm tra đối với phương tiện đo, phép đo, lượng của hàng đóng gói sẵn tại các chợ, trung tâm thương mại, các điểm bán buôn, bán lẻ trên địa bàn theo nội dung kiểm tra quy định tại Điểm a Khoản 1, Điểm d Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 19 của Thông tư này.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm kiểm tra đối với phép đo tại các chợ, trung tâm thương mại, các điểm bán buôn, bán lẻ trên địa bàn theo nội dung kiểm tra quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 19 và trình tự, thủ tục quy định tại Tiết b.2 Điểm b Khoản 4, Khoản 5 Điều 20 của Thông tư này.

5. Cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì kiểm tra quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này thực hiện kiểm tra trên thị trường, trong sử dụng.

Điều 19. Nội dung kiểm tra trên thị trường, trong sử dụng

1. Nội dung kiểm tra đối với phương tiện đo bao gồm:

a) Kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo với quy định về việc phê duyệt mẫu, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định;

b) Kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo với quy định về thể hiện yêu cầu kỹ thuật đo lường cơ bản trên phương tiện đo hoặc trên nhãn hàng hóa, tài liệu kèm theo;

c) Kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo với điều kiện về vận chuyển, bảo quản, lưu giữ;

d) Kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo với yêu cầu kỹ thuật đo lường do cơ sở sản xuất, nhập khẩu công bố (đối với phương tiện đo nhóm 1) hoặc do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ban hành (đối với phương tiện đo nhóm 2);

2. Nội dung kiểm tra đối với phép đo bao gồm:

a) Kiểm tra, xác định sự phù hợp của phương tiện đo, phương pháp đo đã sử dụng và điều kiện đo với yêu cầu kỹ thuật đo lường;

b) Kiểm tra chứng chỉ đào tạo theo quy định đối với người thực hiện phép đo;

c) Kiểm tra việc thực hiện các điều kiện theo quy định để người có quyền và nghĩa vụ liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện phép đo, phương pháp đo, phương tiện đo, lượng hàng hóa;

d) Kiểm tra sai số của kết quả phép đo so với giới hạn sai số cho phép;

đ) Giới hạn sai số cho phép của kết quả phép đo được xác định trên cơ sở sai số cho phép lớn nhất của phương tiện đo được sử dụng để thực hiện phép đo;

e) Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hướng dẫn chi tiết Khoản 2 Điều này.

3. Nội dung kiểm tra đối với lượng của hàng đóng gói sẵn bao gồm:

a) Kiểm tra sự phù hợp của việc ghi lượng của hàng đóng gói sẵn trên nhãn hàng hóa với yêu cầu quy định;

b) Kiểm tra sự phù hợp của việc thể hiện dấu định lượng với yêu cầu quy định (đối với hàng đóng gói sẵn nhóm 2);

c) Kiểm tra sự phù hợp của lượng hàng hóa thực tế với yêu cầu quy định.

Điều 20. Trình tự, thủ tục kiểm tra trên thị trường, trong sử dụng

1. Đoàn kiểm tra xuất trình quyết định kiểm tra trước khi tiến hành kiểm tra. Trường hợp kiểm tra đặc thù theo quy định tại Chương VI của Thông tư này, đoàn kiểm tra được phép lấy mẫu kiểm tra trước khi xuất trình quyết định kiểm tra.

2. Tiến hành kiểm tra đối với đối tượng và nội dung kiểm tra trong quyết định kiểm tra.

3. Đoàn kiểm tra yêu cầu cơ sở cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến điều kiện vận chuyển, bảo quản, lưu giữ, sử dụng và các yêu cầu kỹ thuật đo lường của phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn cần được kiểm tra.

4. Căn cứ hồ sơ, tài liệu của cơ sở và các quy định quản lý nhà nước về đo lường, đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra kỹ thuật đo lường theo trình tự, thủ tục như sau:

a) Đối với phương tiện đo

- Tiến hành quan sát, kiểm tra các nội dung quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 1 Điều 19 của Thông tư này;

- Kiểm tra nội dung quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 19 của Thông tư này: Trưởng đoàn kiểm tra quyết định lựa chọn mức đo, yêu cầu kỹ thuật đo lường cụ thể của phương tiện đo; số lượng mức đo, giá trị mức đo và yêu cầu kỹ thuật đo lường cụ thể của phương tiện đo được lựa chọn phải bảo đảm nằm trong phạm vi đo được sử dụng nhiều nhất của phương tiện đo hoặc có khả năng phát hiện sự không phù hợp của phương tiện đo với yêu cầu kỹ thuật đo lường;

b) Đối với phép đo

b.1) Tiến hành kiểm tra các nội dung quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 19 của Thông tư này;

b.2) Kiểm tra sai số của kết quả phép đo theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 19 của Thông tư này: Trưởng đoàn kiểm tra quyết định lựa chọn số lượng và giá trị của lượng hàng hóa, dịch vụ cần đo để tiến hành kiểm tra; lượng hàng hóa, dịch vụ được lựa chọn phải bảo đảm nằm trong phạm vi thường được đo nhiều nhất cho khách hàng hoặc có khả năng phát hiện sự không phù hợp về sai số của kết quả phép đo với yêu cầu quy định.

c) Đối với lượng của hàng đóng gói sẵn

- Tiến hành quan sát, kiểm tra các nội dung quy định tại các Điểm a, b Khoản 3 Điều 19 của Thông tư này;

- Kiểm tra nội dung quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 19 của Thông tư này: Căn cứ quy định về phương pháp lấy mẫu và phương pháp đánh giá lượng của hàng đóng gói sẵn tại Thông tư quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn, trưởng đoàn kiểm tra quyết định lấy mẫu và tổ chức thực hiện kiểm tra.

5. Trường hợp phát hiện sự không phù hợp, lập biên bản kiểm tra về đo lường (theo Mẫu 5. BBKT tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) và xử lý theo quy định tại Điều 21 của Thông tư này.

Điều 21. Xử lý trong quá trình kiểm tra trên thị trường, trong sử dụng

1. Trong quá trình kiểm tra trên thị trường, trong sử dụng, nếu phát hiện phương tiện đo, phép đo, lượng của hàng đóng gói sẵn không phù hợp quy định thì tùy theo mức độ không phù hợp, quy mô ảnh hưởng, việc xử lý thực hiện như sau:

a) Đoàn kiểm tra yêu cầu cơ sở kinh doanh phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn tạm dừng kinh doanh phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn đó và chủ động, phối hợp với cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn đó thực hiện các biện pháp khắc phục trong thời hạn ghi trong biên bản;

b) Đoàn kiểm tra yêu cầu cơ sở sử dụng phương tiện đo, cơ sở thực hiện phép đo tạm dừng sử dụng phương tiện đo, thực hiện phép đo đó và thực hiện các biện pháp khắc phục trong thời hạn ghi trong biên bản;

c) Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, đoàn kiểm tra phải báo cáo với cơ quan chủ trì kiểm tra để cơ quan chủ trì kiểm tra ra thông báo tạm dừng hoạt động đo lường không phù hợp (theo Mẫu 6. TBTDHĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) và xử lý theo thẩm quyền; thời gian tạm dừng ghi trong thông báo tạm dừng hoạt động đo lường không phù hợp được tính từ thời điểm ký biên bản kiểm tra;

d) Cơ quan chủ trì kiểm tra chỉ ra thông báo hoạt động đo lường được tiếp tục thực hiện (theo Mẫu 7. TBTTHĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) khi cơ sở bị tạm dừng hoạt động đo lường đã khắc phục đạt yêu cầu và báo cáo bằng văn bản kèm theo bằng chứng cho cơ quan thực hiện kiểm tra;

đ) Xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Trong quá trình kiểm tra trên thị trường, trong sử dụng, nếu phát hiện cơ sở có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc sau khi đã yêu cầu thực hiện các biện pháp quy định tại Khoản 1 Điều này mà cơ sở đó vẫn tiếp tục vi phạm hoặc quá thời hạn tạm dừng ghi trong thông báo tạm dừng hoạt động đo lường không phù hợp quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này mà cơ sở không hoàn thành các biện pháp khắc phục thì tùy theo mức độ vi phạm, quy mô ảnh hưởng, việc xử lý thực hiện như sau:

a) Đoàn kiểm tra hoặc cơ quan chủ trì thực hiện kiểm tra yêu cầu cơ sở dừng ngay hành vi vi phạm;

b) Trưởng đoàn kiểm tra hoặc đại diện cơ quan chủ trì kiểm tra lập biên bản niêm phong (theo Mẫu 8. BBNP tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) và tổ chức niêm phong (tem niêm phong theo Mẫu 9. TNP tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) phương tiện đo, chuẩn đo lường, hàng đóng gói sẵn, các trang thiết bị để thực hiện hoạt động đo lường không phù hợp quy định. Trường hợp đại diện cơ sở được kiểm tra không ký biên bản thì trưởng đoàn kiểm tra hoặc đại diện cơ quan chủ trì kiểm tra ghi rõ trong biên bản "đại diện cơ sở không ký biên bản". Biên bản có chữ ký của trưởng đoàn kiểm tra hoặc đại diện cơ quan chủ trì kiểm tra vẫn có giá trị pháp lý. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, cơ quan chủ trì kiểm tra ra thông báo dừng hoạt động đo lường không phù hợp (theo Mẫu 6.TBTDHĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này);

c) Cơ quan chủ trì kiểm tra thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng địa phương hoặc trung ương tên cơ sở vi phạm, tên hành vi vi phạm và địa chỉ thực hiện hành vi vi phạm (theo Mẫu 10. TBTTĐC tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này). Đồng thời, cơ quan chủ trì kiểm tra chuyển hồ sơ và kiến nghị người có thẩm quyền hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Việc xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp kiểm tra trên thị trường, trong sử dụng, phát hiện phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu không phù hợp quy định của pháp luật về đo lường, cơ quan chủ trì kiểm tra xử lý theo thẩm quyền và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Tùy theo mức độ và quy mô ảnh hưởng, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xem xét, thông báo bằng văn bản cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và cơ quan Hải quan tại các địa phương nơi nhập khẩu để tăng cường kiểm tra tại cửa khẩu theo quy định tại Chương II của Thông tư này hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định tạm dừng hoặc dừng việc nhập khẩu loại phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn đó.

4. Trường hợp kiểm tra trên thị trường, trong sử dụng phát hiện phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn sản xuất trong nước không phù hợp quy định của pháp luật về đo lường, cơ quan chủ trì kiểm tra xử lý theo thẩm quyền và xem xét, kiểm tra trong sản xuất; trường hợp phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn đó được sản xuất tại địa phương khác thì thông báo bằng văn bản cho Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, cơ quan chủ trì kiểm tra tại địa phương nơi sản xuất để xem xét, kiểm tra trong sản xuất; việc kiểm tra trong sản xuất tiến hành theo quy định tại Chương III của Thông tư này.

5. Trường hợp kiểm tra trên thị trường, trong sử dụng phát hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm không phù hợp quy định của pháp luật về đo lường, cơ quan chủ trì kiểm tra xử lý theo thẩm quyền và xem xét, kiểm tra đột xuất đối với

hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đó; trường hợp hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đó do tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đăng ký địa chỉ trụ sở chính tại địa phương khác thực hiện thì thông báo bằng văn bản cho Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và cơ quan chủ trì kiểm tra tại địa phương nơi tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đăng ký địa chỉ trụ sở chính để xem xét, kiểm tra hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của tổ chức đó; việc kiểm tra hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tiến hành theo quy định tại Chương V của Thông tư này.

Chương V
KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM

Điều 22. Đối tượng kiểm tra

1. Hoạt động duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia.

2. Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

Điều 23. Cơ quan chủ trì kiểm tra hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

1. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chịu trách nhiệm chủ trì kiểm tra đối với hoạt động đo lường quy định tại Điều 22 của Thông tư này.

2. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chủ trì kiểm tra đột xuất đối với hoạt động đo lường quy định tại Khoản 2 Điều 22 của Thông tư này trên địa bàn địa phương.

Điều 24. Nội dung kiểm tra hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

1. Nội dung kiểm tra đối với hoạt động duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia bao gồm:

a) Kiểm tra việc bảo đảm điều kiện hoạt động của tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia theo quy định;

b) Kiểm tra việc thực hiện quy định về duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia tại tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia;

c) Kiểm tra việc thực hiện hiệu chuẩn hoặc so sánh chuẩn quốc gia với chuẩn quốc tế hoặc với chuẩn quốc gia của nước ngoài đã được hiệu chuẩn hoặc đã được so sánh với chuẩn quốc tế;

d) Kiểm tra việc thực hiện hiệu chuẩn hoặc so sánh để truyền độ chính xác của chuẩn quốc gia tới chuẩn đo lường có độ chính xác thấp hơn.

2. Nội dung kiểm tra đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm bao gồm:

a) Trường hợp địa điểm thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm khác với địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, việc kiểm tra được thực hiện với các nội dung sau đây:

- Kiểm tra sự phù hợp của chuẩn chính, chuẩn công tác và các điều kiện vật chất kỹ thuật khác so với yêu cầu quy định;

- Kiểm tra sự phù hợp của nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm với yêu cầu quy định;

- Kiểm tra việc tuân thủ quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

b) Trường hợp địa điểm thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trùng với địa chỉ trụ sở chính của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, việc kiểm tra được thực hiện với các nội dung sau đây:

- Kiểm tra việc thực hiện đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc đề nghị chỉ định thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm;

- Kiểm tra hồ sơ chứng nhận đăng ký được lưu giữ (đối với tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm), hồ sơ chỉ định, hồ sơ chứng nhận kiểm định viên đo lường, hồ sơ chứng nhận chuẩn đo lường được lưu giữ (đối với tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định);

- Kiểm tra các nội dung quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

- Kiểm tra việc bảo đảm điều kiện khác theo quy định về điều kiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm;

- Kiểm tra sự phù hợp của hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện với lĩnh vực đã đăng ký hoặc được chỉ định và các quy định khác của pháp luật về đo lường.

Điều 25. Trình tự, thủ tục kiểm tra hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

1. Đoàn kiểm tra xuất trình quyết định kiểm tra trước khi tiến hành kiểm tra. Trường hợp kiểm tra đặc thù theo quy định tại Chương VI của Thông tư này, đoàn kiểm tra được phép tiến hành kiểm tra các nội dung kỹ thuật nghiệp vụ cần thiết trước khi xuất trình quyết định kiểm tra.

2. Tiến hành kiểm tra theo nội dung của quyết định kiểm tra.

3. Trình tự, thủ tục và phương pháp kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra:

a) Đoàn kiểm tra yêu cầu cơ sở cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan hoạt động duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia, hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm cần kiểm tra;

b) Căn cứ hồ sơ, tài liệu của cơ sở và các quy định quản lý nhà nước về đo lường, đoàn kiểm tra tiến hành quan sát, kiểm tra các yêu cầu quy định;

c) Phương pháp kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra

- Áp dụng phương pháp đánh giá và trình tự, thủ tục đánh giá để chỉ định tổ chức giữ chuẩn quốc gia tại Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN ngày 12/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với chuẩn quốc gia để kiểm tra hoạt động duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia;

- Áp dụng phương pháp đánh giá và trình tự, thủ tục đánh giá để chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN

ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường để kiểm tra hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

4. Trường hợp nếu phát hiện sự không phù hợp, lập biên bản kiểm tra về đo lường (theo Mẫu 5. BBKT tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) và xử lý theo quy định tại Điều 26 của Thông tư này.

Điều 26. Xử lý trong quá trình kiểm tra hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm

1. Trong quá trình kiểm tra hoạt động duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn quốc gia, nếu phát hiện sự không phù hợp với yêu cầu quy định, việc xử lý thực hiện như sau:

a) Đoàn kiểm tra yêu cầu tổ chức được chỉ định giữ chuẩn quốc gia tạm dừng sử dụng chuẩn quốc gia đó và chủ động thực hiện các biện pháp khắc phục trong thời hạn ghi trong biên bản kiểm tra về đo lường;

b) Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, đoàn kiểm tra phải báo cáo với Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng để Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xử lý theo quy định về đo lường đối với chuẩn quốc gia;

c) Trường hợp phát hiện vi phạm hành chính, việc xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình kiểm tra hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, nếu phát hiện sự không phù hợp với yêu cầu quy định, việc xử lý thực hiện như sau:

a) Đoàn kiểm tra yêu cầu nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tạm dừng hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đó, đồng thời tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải chủ động thực hiện các biện pháp khắc phục trong thời hạn ghi trong biên bản kiểm tra về đo lường;

b) Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, đoàn kiểm tra phải báo cáo với cơ quan chủ trì kiểm tra hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm để cơ quan chủ trì kiểm tra ra thông báo tạm dừng hoạt động đo lường không phù hợp (theo Mẫu 6. TBTDHĐ tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) và xử lý theo thẩm quyền; thời gian tạm dừng ghi trong thông báo tạm dừng hoạt động đo lường không phù hợp quy định được tính từ thời điểm ký biên bản kiểm tra về đo lường.

Tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm chỉ được tiếp tục thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm khi đã khắc phục, sửa chữa theo đúng các yêu cầu của đoàn kiểm tra và báo cáo việc khắc phục, sửa chữa bằng văn bản cho cơ quan chủ trì kiểm tra.

3. Trường hợp phát hiện nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc sau khi đã yêu cầu thực hiện các biện pháp quy định tại Khoản 2 Điều này mà tổ chức, cá nhân đó vẫn tiếp tục vi phạm hoặc quá thời hạn tạm dừng ghi trong

thông báo tạm dừng hoạt động đo lường không phù hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này mà cơ sở không hoàn thành các biện pháp khắc phục thì tùy theo mức độ vi phạm, quy mô ảnh hưởng, việc xử lý thực hiện như sau:

a) Đoàn kiểm tra hoặc cơ quan chủ trì kiểm tra yêu cầu nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm dừng ngay hành vi vi phạm;

b) Trưởng đoàn kiểm tra hoặc đại diện cơ quan chủ trì kiểm tra lập biên bản niêm phong (theo Mẫu 8. BBNP tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) và tổ chức niêm phong (tem niêm phong theo Mẫu 9. TNP tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) chuẩn đo lường, trang thiết bị để kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm không phù hợp quy định. Trường hợp nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, đại diện tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được kiểm tra không ký biên bản thì trưởng đoàn kiểm tra hoặc đại diện cơ quan chủ trì kiểm tra ghi rõ trong biên bản "đại diện cơ sở không ký biên bản". Biên bản có chữ ký của trưởng đoàn kiểm tra hoặc đại diện cơ quan chủ trì kiểm tra vẫn có giá trị pháp lý. Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, cơ quan chủ trì kiểm tra ra thông báo dừng hoạt động đo lường không phù hợp quy định;

c) Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, đoàn kiểm tra hoặc cơ quan chủ trì kiểm tra chuyển hồ sơ kiểm tra về Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng để Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xử lý theo quy định của pháp luật về đo lường.

Hồ sơ chuyển Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng bao gồm: Quyết định kiểm tra; biên bản kiểm tra; các giấy tờ, chứng cứ có liên quan khẳng định hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm không phù hợp; biên bản niêm phong; thông báo tạm dừng hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; biên bản vi phạm hành chính; công văn của cơ quan chủ trì kiểm tra đề nghị Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xử lý theo quy định của pháp luật về đo lường.

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xử lý theo quy định và thông báo kết quả xử lý cho cơ quan chủ trì kiểm tra để phối hợp;

d) Xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI
KIỂM TRA ĐẶC THÙ

Điều 27. Đối tượng kiểm tra đặc thù

1. Phương tiện đo được sử dụng đo xăng dầu.

2. Phép đo xăng dầu.

3. Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

4. Theo yêu cầu quản lý nhà nước về đo lường từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định đối tượng kiểm tra đặc thù.

Điều 28. Cơ quan tổ chức thực hiện kiểm tra đặc thù

1. Bộ Khoa học và Công nghệ căn cứ yêu cầu quản lý nhà nước về đo lường trên phạm vi cả nước và kiến nghị của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện kiểm tra đặc thù trên phạm vi cả nước.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ yêu cầu quản lý nhà nước về đo lường tại địa phương, kiến nghị của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tổ chức thực hiện kiểm tra đặc thù tại địa phương.

Điều 29. Cơ quan chủ trì thực hiện kiểm tra đặc thù

1. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chủ trì thực hiện kiểm tra đặc thù đối với phương tiện đo được sử dụng đo xăng dầu, phép đo xăng dầu trên địa bàn địa phương.

2. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chủ trì thực hiện kiểm tra đặc thù đối với phương tiện đo được sử dụng đo xăng dầu, phép đo xăng dầu, hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trên phạm vi cả nước.

Điều 30. Nội dung kiểm tra đặc thù

Cơ quan chủ trì thực hiện kiểm tra đặc thù căn cứ đối tượng, phạm vi kiểm tra đặc thù được giao, quyết định nội dung kiểm tra đặc thù tương ứng với loại hình kiểm tra (kiểm tra trong sử dụng hoặc kiểm tra hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm) quy định tại Chương IV hoặc Chương V của Thông tư này.

Điều 31. Phương tiện kiểm tra đặc thù

1. Phương tiện kiểm tra đặc thù gồm phương tiện giao thông, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật chuyên dùng để thực hiện lấy mẫu kiểm tra.

2. Phương tiện giao thông, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật chuyên dùng quy định tại Khoản 1 Điều này được trang bị, sử dụng phù hợp với hướng dẫn kỹ thuật nghiệp vụ của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất luợng, của nhà sản xuất, nhập khẩu.

3. Trường hợp phương tiện giao thông chuyên dùng để thực hiện kiểm tra đặc thù cần được hoán cải, ngụy trang cho phù hợp với mục đích kiểm tra đặc thù thì việc hoán cải, ngụy trang phương tiện giao thông đó thực hiện theo quy định tại Thông tư số 29/2012/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 32. Trình tự, thủ tục kiểm tra đặc thù

1. Đoàn kiểm tra được sử dụng phương tiện kiểm tra đặc thù thực hiện lấy mẫu, kiểm tra trước khi xuất trình quyết định kiểm tra. Quyết định kiểm tra nhà nước về đo lường phải ghi rõ chế độ kiểm tra đặc thù.

2. Các bước kiểm tra tiếp theo được thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng với loại hình kiểm tra (kiểm tra trong sử dụng hoặc kiểm tra hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm) quy định tại Chương IV hoặc Chương V của Thông tư này.

3. Kết quả kiểm tra thu được thông qua sử dụng phương tiện kiểm tra đặc thù là cơ sở pháp lý để xử lý hành vi vi phạm về đo lường của tổ chức, cá nhân.

4. Việc xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra đặc thù thực hiện theo quy định xử lý vi phạm trong quá trình kiểm tra tương ứng với loại hình kiểm tra (kiểm tra trong sử dụng hoặc kiểm tra hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm) tại Chương IV hoặc Chương V của Thông tư này.

Điều 33. Trang bị, duy trì, sử dụng phương tiện kiểm tra đặc thù, lấy mẫu kiểm tra đặc thù

1. Việc trang bị phương tiện giao thông, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật chuyên dùng để thực hiện kiểm tra đặc thù thực hiện theo nhiệm vụ, dự án do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ quan thực hiện kiểm tra đặc thù triển khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành của nhà nước về đấu thầu, mua sắm hàng hóa.

2. Việc quản lý và sử dụng phương tiện giao thông, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật chuyên dùng để thực hiện kiểm tra đặc thù được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản nhà nước.

3. Kinh phí trang bị, duy trì, sử dụng phương tiện giao thông, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật chuyên dùng để thực hiện kiểm tra đặc thù được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Khoa học và Công nghệ, của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Kinh phí lấy mẫu kiểm tra đặc thù thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường và áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2010/TTLT-BTC-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đối với hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm. Kinh phí lấy mẫu kiểm tra đặc thù được giao theo nhiệm vụ chi đặc thù hàng năm hoặc đột xuất cho cơ quan thực hiện kiểm tra đặc thù.

Chương VII
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 34. Trách nhiệm của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

1. Ban hành văn bản kỹ thuật đo lường về trình tự, thủ tục kiểm tra kỹ thuật đo lường đối với từng đối tượng kiểm tra cụ thể.

2. Thực hiện kiểm tra nhà nước về đo lường theo phân công tại Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường và quy định tại Thông tư này.

3. Phê duyệt chương trình, tài liệu đào tạo và tổ chức thực hiện đào tạo nghiệp vụ kiểm tra nhà nước về đo lường.

4. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật về kiểm tra cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Kiểm tra hoạt động kiểm tra nhà nước về đo lường của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Tổng hợp, xử lý kết quả hoạt động kiểm tra và định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ tình hình thực hiện hoạt động kiểm tra nhà nước về đo lường.

Điều 35. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Phê duyệt kế hoạch và bảo đảm kinh phí cho hoạt động kiểm tra nhà nước về đo lường của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; tổ chức thực hiện kế hoạch đó sau khi được phê duyệt.

2. Chỉ đạo Thanh tra Khoa học và Công nghệ của Sở phối hợp tham gia, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đo lường trong quá trình kiểm tra nhà nước về đo lường theo quy định.

3. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tình hình thực hiện hoạt động kiểm tra nhà nước về đo lường trên địa bàn.

Điều 36. Trách nhiệm của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đo lường theo phân cấp trên địa bàn địa phương và quy định tại Thông tư này.

2. Xây dựng, trình Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt kế hoạch kiểm tra nhà nước về đo lường hàng năm.

3. Thực hiện kiểm tra nhà nước về đo lường theo phân công tại Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường và quy định tại Thông tư này; giải quyết khiếu nại, tố cáo về đo lường theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn về nghiệp vụ chuyên môn kiểm tra nhà nước về đo lường cho các cơ quan, cá nhân thực hiện kiểm tra ở cấp huyện, cấp xã và các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

5. Định kỳ kiểm tra, giám sát hoạt động kiểm tra nhà nước về đo lường của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ tình hình thực hiện hoạt động kiểm tra nhà nước về đo lường trên địa bàn.

Điều 37. Trách nhiệm của Ủy ban nhân cấp huyện

1. Chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đo lường theo phân cấp trên địa bàn và quy định tại Thông tư này.

2. Phê duyệt kế hoạch kiểm tra nhà nước về đo lường hàng năm trên địa bàn sau khi có ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động kiểm tra nhà nước về đo lường.

4. Chủ trì, phối hợp với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra nhà nước về đo lường theo phân công tại Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường và quy định tại Thông tư này.

5. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về đo lường theo quy định của pháp luật.

6. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ tình hình thực hiện hoạt động kiểm tra nhà nước về đo lường trên địa bàn.

Điều 38. Trách nhiệm của Ủy ban nhân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm kiểm tra nhà nước về đo lường trên địa bàn theo quy định tại Thông tư này.

2. Phối hợp với Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và các cơ quan liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra về đo lường trên địa bàn theo quy định của pháp luật; kiểm tra việc thực hiện biện pháp khắc phục của cơ sở được kiểm tra theo thông báo của cơ quan chủ trì kiểm tra.

3. Tuyên truyền, phổ biến quy định về kiểm tra nhà nước về đo lường tại Thông tư này.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về đo lường theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan

1. Cơ quan Hải quan tại các cửa khẩu có trách nhiệm thông báo và hướng dẫn cơ sở nhập khẩu về việc đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn khi nhập khẩu theo quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan Thanh tra Khoa học và Công nghệ, Công an, Hải quan, Quản lý thị trường và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác chịu trách nhiệm phối hợp với cơ quan thực hiện kiểm tra trong kiểm tra nhà nước về đo lường và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp thực hiện kiểm tra nhà nước về đo lường theo phân công, phân cấp tại Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường và quy định tại Thông tư này.

Điều 40. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được kiểm tra

1. Thực hiện yêu cầu của đoàn kiểm tra trong quá trình kiểm tra; chấp hành kết luận kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Chủ động kiểm tra, kiểm soát đối với: Quá trình sản xuất, nhập khẩu, lưu thông, sử dụng chuẩn đo lường, phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn; quá trình thực hiện phép đo; hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường của cơ sở để bảo đảm phù hợp với yêu cầu quy định.

3. Dừng ngay hành vi vi phạm pháp luật, thực hiện biện pháp khắc phục trong thời hạn được yêu cầu. Không được tẩu tán, tiêu thụ hoặc thay đổi đối tượng kiểm tra mà chưa có kết luận và cho phép của cơ quan thực hiện kiểm tra.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2014.

2. Bãi bỏ hiệu lực thi hành của Quyết định số 31/2002/QĐ-BKHCNMT ngày 17 tháng 5 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) về việc ban hành "Quy định về đo lường đối với các phép đo trong thương mại bán lẻ".

Điều 42. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp kết hợp kiểm tra nhà nước về đo lường và kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, cơ quan kiểm tra được kết hợp thực hiện quy định tại Thông tư này và quy định về kiểm tra của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Thông tư này.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Việt Thanh

Phụ lục
CÁC MẪU BIỂU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường
Mẫu 1. ĐKKT
28/2013/TT-BKHCN

2. Phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường
Mẫu 2. PTNHSĐK
28/2013/TT-BKHCN

3. Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về đo lường
Mẫu 3. TBKQKT
28/2013/TT-BKHCN

4. Quyết định kiểm tra nhà nước về đo lường
Mẫu 4. QĐKTĐL
28/2013/TT-BKHCN

5. Biên bản kiểm tra về đo lường:
Mẫu 5. BBKT
28/2013/TT-BKHCN

6. Thông báo tạm dừng hoạt động đo lường không phù hợp
Mẫu 6. TBTDHĐ
28/2013/TT-BKHCN

7. Thông báo hoạt động đo lường được tiếp tục thực hiện
Mẫu 7. TBTTHĐ
28/2013/TT-BKHCN

8. Biên bản niêm phong
Mẫu 8. BBNP
28/2013/TT-BKHCN

9. Tem niêm phong
Mẫu 9. TNP
28/2013/TT-BKHCN

10. Thông báo gửi cơ quan thông tin đại chúng
Mẫu 10. TBTTĐC
28/2013/TT-BKHCN

11. Biên bản vi phạm hành chính về đo lường
Mẫu 11. BBVPHC
28/2013/TT-BKHCN

Mẫu 1. ĐKKT
28/2013/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ ĐO LƯỜNG

Kính gửi:..... (Tên Cơ quan kiểm tra).....
Cơ sở nhập khẩu:.....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: ..... Fax: .....
Đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với *(phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn)* sau:

Số TT	Tên đối tượng, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Khối lượng/số lượng	Cửa khẩu nhập	Thời gian nhập khẩu

Địa điểm lưu giữ (phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn):.....
Hồ sơ kèm theo gồm có các bản sao (có xác nhận sao y bản chính của cơ sở nhập khẩu) sau đây:
 Hợp đồng *(Contract)* số :
 Danh mục hàng hóa *(Packing list)*: .....
 Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số: .....
 Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) số:.....
Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm các đối tượng nhập khẩu phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường quy định.

Vào sổ đăng ký: số:...../ ([1])
Ngày ... tháng ... năm ...
ĐẠI DIỆN CƠ QUAN KIỂM TRA
(Ký tên, đóng dấu)

..., ngày... tháng ... năm....
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ NHẬP KHẨU
(Ký tên, đóng dấu)

([1]): Viết tắt tên cơ quan kiểm tra.

Mẫu 2. PTNHSĐK
28/2013/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

Số: /TN- ([1])

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... , ngày ... tháng ... năm ...

PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ ĐO LƯỜNG

Cơ sở nhập khẩu:.....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: .....Fax: .....
Đã nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với *(phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn)* như sau:

STT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	Có/Không	Ghi chú
1	Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước đo lường	☐	
2	Hợp đồng *(Contract)* (bản photocopy)	☐	
3	Danh mục hàng hóa *(Packing list)* kèm theo hợp đồng (bản photocopy)	☐	
4	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu	☐	
5	Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O)	☐	

KẾT LUẬN

Hồ sơ đầy đủ về số lượng: ☐ **tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.**
Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: ☐ **tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các mục:... trong thời gian..... ngày. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định./.**

Người nộp hồ sơ **Người tiếp nhận**

(1): Viết tắt tên cơ quan kiểm tra.

Mẫu 3. TBKQKT
28/2013/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB- ([1]).	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ ĐO LƯỜNG

1. Đối tượng kiểm tra:
2. Nhãn hiệu, kiểu loại: .....
3. Đặc tính kỹ thuật: .....
4. Xuất xứ/Nhà sản xuất: .....
5. Khối lượng/Số lượng: .....
6. Cửa khẩu nhập: .....
7. Thời gian nhập khẩu: .....
8. Thuộc lô hàng có các chứng từ sau: .....
- Hợp đồng số: .....
- Danh mục hàng hóa số: .....
- Giấy chứng nhận xuất xứ số *(C/O)*: .....
- Tờ khai hàng nhập khẩu số: .....
9. Cơ sở nhập khẩu: .....
10. Số đăng ký:..... ngày... tháng... năm...
11. Địa điểm lưu giữ: .....
12. Căn cứ kiểm tra:..... *Yêu cầu kỹ thuật đo lường*.....

KẾT QUẢ KIỂM TRA
(Số lượng, tên, nhãn hiệu, kiểu loại phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn)
Đạt (hoặc không đạt) yêu cầu kỹ thuật đo lường.

Nơi nhận: - Cơ sở nhập khẩu; - Hải quan cửa khẩu; - Lưu VT; cơ quan kiểm tra.	**THỦ TRƯỞNG** **CƠ QUAN KIỂM TRA** *(Ký tên, đóng dấu)*

([1]): Viết tắt tên cơ quan kiểm tra.

Mẫu 4. QĐKTĐL
28/2013/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-([1])	*..., ngày ... tháng ... năm ...*

QUYẾT ĐỊNH
Kiểm tra nhà nước về đo lường

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11/11/2011;

Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

Căn cứ Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về đo lường;

Căn cứ... ([2]);

Căn cứ...([3]),

Xét nội dung...([4]),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiểm tra sự phù hợp với các quy định của pháp luật về đo lường

Đối tượng kiểm tra: ...

Nội dung kiểm tra: ...

Cơ sở được kiểm tra, địa bàn kiểm tra liên quan:...

Hình thức kiểm tra: ...

Chế độ kiểm tra: ...

Thời hạn kiểm tra: ... ngày, kể từ ngày công bố Quyết định kiểm tra.

Điều 2. Thành lập Đoàn kiểm tra gồm các ông, bà có tên sau đây:

1. Họ và tên, chức vụ	Trưởng đoàn
2. Họ và tên, chức vụ	Thành viên
3. Họ và tên, chức vụ	Thành viên

...

([1]): *Chữ viết tắt tên cơ quan ra quyết định.*

([2]): *Chương trình kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với kiểm tra theo chương trình, kế hoạch).*

([3]): *Văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan ban hành Quyết định kiểm tra.*

([4]): *Đơn tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về đo lường (nếu có).*

Điều 3. Trong quá trình kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra và các thành viên đoàn kiểm tra có trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật về đo lường, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của kết quả kiểm tra, có quyền xử lý theo quy định tại Điều 48 Luật Đo lường, Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Đối tượng liên quan có nghĩa vụ đáp ứng yêu cầu của đoàn kiểm tra, có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Đoàn kiểm tra và tổ chức, cá nhân liên quan đến đối tượng kiểm tra nêu tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cơ quan phối hợp (nếu có);
- Lưu VT, ...

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu 5. BBKT
28/2013/TT-BKHCN

CƠ QUAN THỰC HIỆN KIỂM TRA **ĐOÀN KIỂM TRA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN KIỂM TRA
về đo lường

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11/11/2011;

Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

Căn cứ Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về đo lường;

Đoàn kiểm tra về đo lường được thành lập theo Quyết định kiểm tra số... ngày... tháng... năm... của... ([1]) đã tiến hành kiểm tra từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm..., đối với (*ghi đối tượng được kiểm tra*)... của:

- Ông (Bà)/Tổ chức: .....

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc nơi đóng trụ sở chính của tổ chức): ..... Số điện thoại:..... Số Fax:.....

- Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu (hoặc Đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập) số:..... Do..... Cấp ngày:..... Nơi cấp:.....

Đại diện theo pháp luật:.....

Địa chỉ: ..... Số điện thoại: ..... Số Fax: .....

Thành phần đoàn Kiểm tra gồm:

1. ..... Trưởng đoàn
2. ..... Thành viên
3. ..... Thành viên

Đại diện cơ sở được kiểm tra gồm:

1. .....
2. .....

Với sự tham gia của:

1. .....
2. .....

I. Nội dung kiểm tra: *(Các nội dung cụ thể đoàn kiểm tra đã thực hiện)*

.....

.....

.....

II. Nhận xét và kết luận:

.....
.....
.....

III. Các hình thức xử lý hoặc đề nghị xử lý:

.....
.....
.....

IV. Các yêu cầu kiến nghị:

.....
.....
.....

V. Ý kiến của cơ sở được kiểm tra:

.....
.....
.....

Biên bản được lập vào hồi... giờ... ngày... tháng... năm... tại...

Biên bản gồm ... trang được lập thành ... bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản sau khi đã đọc kỹ nội dung và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA	**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

([1]): Ghi tên cơ quan ra quyết định kiểm tra

Mẫu 6. TBTDHĐ
28/2013/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB-.([1])....	*... , ngày ... tháng ... năm ...*

THÔNG BÁO
TẠM DỪNG HOẠT ĐỘNG ĐO LƯỜNG KHÔNG PHÙ HỢP

Kính gửi: (Tên Cơ sở)

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

Căn cứ Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về đo lường;

Căn cứ Biên bản kiểm tra ngày... tháng... năm... tại...;

Căn cứ Kết quả kiểm tra (nếu có),

.... ([2])..... **THÔNG BÁO**

1. Tạm dừng việc.... (tên đối tượng bị tạm dừng, số lượng)..... của:

- Tên tổ chức, cá nhân (cơ sở được kiểm tra)

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Lý do tạm dừng:.....

2. ... ([3]) ... có trách nhiệm thực hiện các biện pháp xử lý, khắc phục, sửa chữa trong thời hạn..... ngày. (*Đối tượng bị tạm dừng*) nêu trên chỉ được phép tiếp tục..... nếu... ([3]) ... đã thực hiện hành động khắc phục đạt yêu cầu, báo cáo với cơ quan kiểm tra và được cơ quan kiểm tra ra thông báo tiếp tục hoạt động đo lường.

3. Thông báo này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Đoàn kiểm tra, ...([3])... chịu trách nhiệm thi hành Thông báo này./.

Nơi nhận: - Như trên (để thực hiện); - UBND xã/phường (nơi cơ sở được kiểm tra đăng ký địa chỉ trụ sở chính) (để ph/hợp); - Cơ quan có liên quan (để ph/hợp); - Lưu VT, (.... *đơn vị soạn thảo*).	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA** (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

([1]): Viết tắt tên cơ quan kiểm tra.
([2]): Tên cơ quan kiểm tra.
([3]): Tên cơ sở có đối tượng bị tạm dừng.

Mẫu 7. TBTTHĐ
28/2013/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB - ([1])..	*... , ngày ... tháng ... năm ...*

THÔNG BÁO
HOẠT ĐỘNG ĐO LƯỜNG ĐƯỢC TIẾP TỤC THỰC HIỆN

Kính gửi: (Tên Cơ sở)

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

Căn cứ Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về đo lường ;

Căn cứ Biên bản kiểm tra ngày... tháng... năm... tại...

Căn cứ Kết quả kiểm tra (nếu có)

Căn cứ Thông báo tạm dừng hoạt động đo lường không phù hợp số... ngày... tháng... năm...;

Căn cứ kết quả hành động khắc phục đối với...([2])...

... ([3]) THÔNG BÁO

1. (Tên đối tượng kiểm tra bị tạm dừng) số lượng...*(nếu có)* của:

- Tên cơ sở được kiểm tra
- Địa chỉ:

Được tiếp tục...([2])....

2. Thông báo này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Đoàn kiểm tra,... *(tên Cơ sở)*... chịu trách nhiệm thi hành Thông báo này./.

Nơi nhận: - Như trên (để thực hiện); - Cơ quan liên quan (để phối hợp); - Lưu VT, (....*đơn vị soạn thảo*).	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA** (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

([1]): Viết tắt tên cơ quan kiểm tra.
([2]): Ghi tên hoạt động đo lường được tiếp tục thực hiện.
(3): Cơ quan kiểm tra.

Mẫu 8. BBNP
28/2013/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN ĐƠN VỊ** **LẬP BIÊN BẢN([1])**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	... , ngày... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN NIÊM PHONG

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

Căn cứ Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về đo lường;

Căn cứ Thông báo tạm dừng hoạt động đo lường không phù hợp quy định số .... ngày... tháng ... năm ...;

Hôm nay, hồi... giờ ... ngày... tháng... năm...

Chúng tôi gồm:

Đại diện ([1])

- Họ và tên: ... Chức vụ: ...
- Họ và tên: ... Chức vụ: ...

.....

Đại diện cơ sở được kiểm tra

- Họ và tên:... Chức vụ: ...

.....

Tiến hành niêm phong ... (tên đối tượng bị niêm phong) ... số lượng ... lưu giữ tại địa chỉ ...

Tình trạng (tên đối tượng bị niêm phong) khi niêm phong: ...

Biên bản này được lập thành hai (02) bản có nội dung và giá trị như nhau, một (01) bản lưu tại cơ quan thực hiện kiểm tra, một (01) bản lưu tại cơ sở được kiểm tra.

Đại diện cơ sở được kiểm tra *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**Đại diện ([1])** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Thành viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

[(1)]: Ghi tên đơn vị (đoàn kiểm tra hoặc tên cơ quan kiểm tra) lập biên bản niêm phong.

Mẫu 9. TNP
28/2013/TT-BKHCN

TEM NIÊM PHONG MẪU

([1])

Tên mẫu .....

Tên cơ sở được lấy mẫu .....

Địa chỉ .....

Ngày lấy mẫu .....

Biên bản lấy mẫu số..... ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẤY MẪU	**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

([1]): Đóng dấu của cơ quan kiểm tra.

Mẫu 10. TBTTĐC
28/2013/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ QUAN KIỂM TRA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TB - ([1]).	*... , ngày ... tháng ... năm 20...*

THÔNG BÁO
GỬI CƠ QUAN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

Căn cứ Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về đo lường;

Căn cứ kết quả kiểm tra nhà nước về đo lường theo Quyết định kiểm tra số..... ngày.....

... ([2])... **THÔNG BÁO**

- Tên [(3)]..... ..
- Thông số [(4)]: .....
- Của cơ sở: ..... *(tên cơ sở)*.....
- Địa chỉ:.....
- Không đạt yêu cầu quy định vì lý do:.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Cơ quan thông tin đại chúng;
- Lưu: VT, (.... *đơn vị soạn thảo*).

([1]): Chữ viết tắt tên cơ quan ra thông báo.
([2]): Tên cơ quan ra thông báo.
([3]): Ghi rõ tên đối tượng (chuẩn đo lường; phương tiện đo; phép đo; lượng của hàng đóng gói sẵn; hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường).
([4]): Ghi rõ đặc tính kỹ thuật đo lường chính của đối tượng (chuẩn đo lường, phương tiện đo, phép đo, lượng của hàng đóng gói sẵn) hoặc lĩnh vực hoạt động (kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm).

Mẫu 11. BBVPHC
28/2013/TT-BKHCN

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN**([1])	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../BB-VPHC	... ([2]) *, ngày ... tháng ... năm ...*

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH
Về đo lường

Căn cứ..... ([3])

Hôm nay, hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ....., tại .....

Chúng tôi gồm: ([4]) .....

Với sự chứng kiến của: ([5]).....

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với: ([6])

Ông (Bà)/Tổ chức:.....

Ngày... tháng... năm sinh..... Quốc tịch:.....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:.....

Địa chỉ: .....

Giấy CMND hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số: .....

Cấp ngày: ..... Nơi cấp: .....

Đã có các hành vi vi phạm hành chính: ([7]) .....

Quy định tại ([8]).....

Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại: ([9]) .....

Ý kiến trình bày của cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm:

.....

Ý kiến trình bày của người chứng kiến:

.....

Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại:

.....

Chúng tôi đã yêu cầu ông (bà)/tổ chức vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

Các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm xử lý vi phạm được áp dụng gồm:

.....

Tang vật, phương tiện, giấy tờ bị tạm giữ gồm: ([10])

.....

Ngoài những tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và các giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

Biên bản lập xong hồi giờ ... ngày ... tháng ... năm ..., gồm ... tờ, được lập thành ... bản có nội dung, giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản. ([11])

Lý do không ký biên bản: .....

Cá nhân/Tổ chức vi phạm gửi văn bản yêu cầu được giải trình đến ông/bà ([12]) ..... trước ngày ... tháng ... năm ..... để thực hiện quyền giải trình.

NGƯỜI HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI CHỨNG KIẾN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN** *(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên)*
ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN *(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên)*		**NGƯỜI BỊ THIỆT HẠI** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

([1]): Ghi tên theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính (lưu ý: riêng đối với văn bản của UBND cấp xã thì phải ghi rõ cấp tỉnh, cấp huyện; UBND cấp huyện thì phải ghi rõ cấp tỉnh).

([2]):Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

([3]): Ghi các căn cứ của việc lập biên bản (như: kết luận thanh tra, biên bản làm việc, kết quả ghi nhận của phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 64 Luật xử lý vi phạm hành chính... .).

([4]): Ghi họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị của người lập biên bản.

([5]): Ghi họ tên, nghề nghiệp, địa chỉ của người chứng kiến. Nếu có đại diện chính quyền ghi rõ họ tên, chức vụ.

([6]): Ghi họ tên người vi phạm hoặc họ tên, chức vụ của đại diện tổ chức vi phạm.

([7]): Ghi tóm tắt hành vi vi phạm (ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm, xảy ra vi phạm, mô tả hành vi vi phạm).

([8]): Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính.

([9]): Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức bị thiệt hại.

([10]): Ghi rõ tên, số lượng, trọng lượng, đặc điểm, tình trạng, nhãn hiệu, xuất xứ, chủng loại tang vật, phương tiện (nếu nhiều thì lập bản thống kê riêng).

([11]): Nếu cá nhân vi phạm là người chưa thành niên, gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người đó 01 bản.

([12]): Họ tên, chức vụ, đơn vị của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.